

# NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI VỚI VIỆC XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

VŨ HÀO QUANG\*

## I. CÂU HỎI VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU.

Với đặc thù lịch sử, Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh chống ngoại xâm với tổng thời gian trên 12 thế kỷ. Hiện tượng di cư của người Việt đã có từ khá lâu. Tuy nhiên, những cuộc di cư bởi hậu quả của hai cuộc chiến tranh do Pháp và Mỹ gây ra ở Việt Nam là lớn hơn cả. Hiện nay, người Việt định cư ở nước ngoài đang có mối liên hệ trực tiếp đến đời sống chính trị - xã hội của Việt Nam. Theo thống kê sơ bộ, có hơn 3,5 triệu người Việt hiện đang sống ở trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Với nhiều lý do và hoàn cảnh lịch sử khác nhau, họ sinh sống xa gia đình, quê hương, đất nước. Tuy vậy, họ có một điểm giống nhau đều là con cháu của dân tộc Việt Nam. Mỗi nhóm người Việt ở nước ngoài hầu hết đều có những quan hệ riêng với những người thân trong gia đình, dòng họ ở Việt Nam. Câu hỏi đặt ra là: *Những người ở trong nước có người thân định cư ở nước ngoài đánh giá như thế nào về quan hệ của họ với chính gia đình, dòng họ nói riêng và với quê hương, đất nước và dân tộc Việt Nam nói chung?*

Đó cũng là đề tài nghiên cứu cụ thể trường hợp những gia đình ở Huế có người thân định cư ở nước ngoài.

---

\* PGS.TS. Viện nghiên cứu Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

Đề tài đã thực hiện cuộc điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên, thuận tiện. Cụ thể, người nghiên cứu qua các quan hệ quen biết, qua hệ thống chính quyền và các tổ chức cơ sở Đảng để nắm được danh sách những gia đình có người thân định cư ở nước ngoài. Chúng tôi đã thực hiện 200 cuộc phỏng vấn bằng bảng hỏi từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2009 đối với các gia đình nêu trên. Sau khi làm “sạch” phiếu, kết quả là có 180 phiếu đạt yêu cầu nghiên cứu. Cơ cấu mẫu được miêu tả như sau:

### Cơ cấu tuổi:

| Tuổi        | Số lượng (phiếu) | %            |
|-------------|------------------|--------------|
| 18 - 30     | 67               | 37,2         |
| 31 - 50     | 78               | 43,3         |
| Trên 50     | 35               | 19,4         |
| <b>Tổng</b> | <b>180</b>       | <b>100,0</b> |

### Cơ cấu giới:

| Giới        | Số lượng (phiếu) | %            |
|-------------|------------------|--------------|
| Nam         | 86               | 47,8         |
| Nữ          | 94               | 52,2         |
| <b>Tổng</b> | <b>180</b>       | <b>100,0</b> |

### Cơ cấu trình độ học vấn:

| Trình độ học vấn         | Số lượng (phiếu) | %           |
|--------------------------|------------------|-------------|
| Dưới phổ thông trung học | 46               | 25,6        |
| Trung học phổ thông      | 38               | 21,1        |
| Cao đẳng, Đại học        | 68               | 37,8        |
| Trên đại học             | 8                | 4,4         |
| <b>Tổng</b>              | <b>160</b>       | <b>88,9</b> |
| Không có thông tin       | 20               | 11,1        |

### Cơ cấu nghề nghiệp:

| Nghề nghiệp            | Số lượng (phiếu) | %            |
|------------------------|------------------|--------------|
| Cán bộ, công nhân viên | 56               | 31,1         |
| Công nhân              | 26               | 14,4         |
| Sinh viên              | 19               | 10,6         |
| Khác                   | 79               | 43,9         |
| <b>Tổng</b>            | <b>180</b>       | <b>100,0</b> |

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.

#### 1. Đánh giá về những phẩm chất nổi trội nhất của con người và cộng đồng người Việt ở nước ngoài hiện nay.

Để nghiên cứu những phẩm chất nào là nổi trội nhất của người Việt ở nước ngoài hiện nay, chúng tôi đưa ra 16 loại phẩm chất để người trả lời đánh giá và lựa chọn tối đa 5/16 phẩm chất.

**BẢNG 1. ĐÁNH GIÁ VỀ NHỮNG PHẨM CHẤT NỔI TRỘI NHẤT CỦA CON NGƯỜI VÀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI HIỆN NAY**

| Những phẩm chất                                                         | Tần xuất | Tỷ lệ % |
|-------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1. Cần cù                                                               | 148      | 82,0    |
| 2. Có hiếu với cha mẹ                                                   | 95       | 52,8    |
| 3. Thông minh                                                           | 74       | 46,2    |
| 4. Cố kết với người cùng cộng đồng, dân tộc                             | 81       | 45,0    |
| 5. Khả năng phát minh, sáng tạo                                         | 81       | 45,0    |
| 6. Lòng vị tha                                                          | 61       | 33,9    |
| 7. Bền bỉ theo đuổi mục đích đến cùng                                   | 50       | 27,8    |
| 8. Táo bạo                                                              | 47       | 26,1    |
| 9. Lòng tự trọng                                                        | 46       | 25,6    |
| 10. Biết và đền ơn người đã giúp đỡ                                     | 45       | 25,0    |
| 11. Khả năng hợp tác hiệu quả với 2 người                               | 27       | 15,0    |
| 12. Tự hào dân tộc                                                      | 26       | 14,4    |
| 13. Khả năng hợp tác với 3 người trở lên                                | 24       | 13,3    |
| 14. Khả năng xoay sở, thoát khỏi hiểm họa                               | 21       | 13,1    |
| 15. Trung thực, thẳng thắn                                              | 19       | 10,6    |
| 16. Dám chịu trách nhiệm trước tập thể, đồng nghiệp khi mắc sai lầm lớn | 19       | 10,6    |

Bảng 1 chỉ ra 5 phẩm chất tiêu biểu nổi trội của người Việt ở nước ngoài là: Cần cù (82,0%); Có hiếu với cha mẹ (52,8%); Thông minh (48,2%); Cố kết với người cùng cộng đồng, dân tộc (45,0%); Khả năng phát minh, sáng tạo (45,0%).

Những phẩm chất khác được đánh giá tiếp theo sau 5 phẩm chất đầu tiên cần kể đến là: Lòng vị tha (33,9%); Bền bỉ theo đuổi mục đích đến cùng (27,8%); Táo bạo (26,1%); Lòng tự trọng (25,6%); Biết và đền ơn người đã giúp đỡ (25,0%).

Việc những người trong nước đánh giá những phẩm chất nổi trội của người Việt ở ngoài nước có phù hợp với cách đánh giá của chính họ hay không, thì chúng ta cần nghiên cứu và kiểm tra ở một công trình khác. Tuy nhiên, từ cách

đánh giá này, chúng ta thấy người trong nước mong đợi người Việt ở nước ngoài có cách cư xử phù hợp. Nếu họ có hành vi khác với mong đợi của những người Việt trong nước, thì có thể sẽ dẫn tới những hệ quả không mong muốn giữa hai bên. Nói cách khác, sự không phù hợp giữa định hướng giá trị quan hệ giữa người Việt trong và ngoài nước có thể dẫn tới những hệ quả cụ thể của quá trình quan hệ giữa người Việt ở nước ngoài với bà con thân thuộc, cũng như với cộng đồng, quê hương, đất nước - nơi họ đã sinh ra và lớn lên. Đồng thời, điều này cũng có tác động và ảnh hưởng trực tiếp tới việc hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng người Việt đang sinh sống ở nước ngoài, như chính sách về quốc tịch, thủ tục xuất - nhập cảnh, cư trú, tái định cư tại Việt Nam, quyền mua bán và sở hữu bất động sản hoặc tham gia vào các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế...

Những phẩm chất như: cần cù; có hiếu với cha mẹ; thông minh; cố kết với những người cùng dân tộc; khả năng phát minh, sáng tạo sẽ là những phẩm chất cơ bản giúp người Việt thích ứng và hội nhập vào môi trường mới, nơi họ nhập cư. Tuy nhiên, những phẩm chất, như: Khả năng hợp tác hiệu quả với 2 người (15,0%); tự hào dân tộc (14,4%); khả năng hợp tác với 3 người trở lên (13,3%); Khả năng xoay sở, thoát khỏi hiểm họa (13,1%); Trung thực, thẳng thắn (10,6%); Dám chịu trách nhiệm trước tập thể, đồng nghiệp khi mắc sai lầm lớn (10,6%), thì không phải là điểm mạnh của người Việt ở nước ngoài theo đánh giá từ phía bà con ruột thịt của họ.

## **2. Ứng xử của những người trong nước với Việt kiều đã thành công về mặt kinh tế.**

Hầu hết những người được hỏi tại Huế đều cho rằng, họ rất hy vọng vào sự hợp tác với những Việt kiều đã thành danh ở nước ngoài (99,4%). Theo những người được hỏi, nên mời những Việt kiều thành công trong lĩnh vực kinh tế về đầu tư trong nước (60,8%) và kêu gọi họ đóng góp cho đất nước (58,3%). Chúng ta nên chủ động mời họ hợp tác, chứ không chờ đợi sự đề nghị của họ. Khi bàn về các hình thức tham gia vào việc điều hành kinh tế nhà nước, những người được hỏi lại rất thận trọng và dè dặt. Chỉ có 12,8% những người được hỏi cho rằng “nên mời họ tham gia vào bộ máy điều hành kinh tế của Nhà nước”.

Trên thực tế đã có người về nước tham gia giúp một số cơ sở kinh tế và kỹ thuật với tư cách là chuyên gia. Họ làm hết sức mình và có những đóng góp nhất định, nhưng không được các đồng nghiệp trong nước hoan nghênh. Theo dư luận, một trong các nguyên nhân là các đồng nghiệp trong nước sợ mất vị trí xã hội và uy tín của mình trong cơ quan khi có những Việt kiều có thể thay thế họ.

Qua khảo sát thực tế, việc xóa đi mặc cảm ngay trong lĩnh vực chuyên môn vẫn còn có cách biệt giữa người trong nước và Việt kiều. Hơn nữa, trong điều kiện hiện nay thì sự tham gia trực tiếp của Việt kiều vào bộ máy điều hành kinh tế của Nhà nước là chưa phù hợp (xem bảng 2).

**BẢNG 2. CÁC PHƯƠNG ÁN ỨNG XỬ VỚI MỘT SỐ TRUNG TÂM  
KINH TẾ CỦA NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI ĐÃ THÀNH DANH**

| Các phương án ứng xử                                         | Tần suất | Tỷ lệ % |
|--------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1. Mời về đầu tư trong nước                                  | 109      | 60,8    |
| 2. Kêu gọi họ đóng góp cho đất nước                          | 105      | 58,3    |
| 3. Chờ họ đề nghị hợp tác rồi mới xem xét giải quyết         | 10       | 5,6     |
| 4. Chỉ mời họ làm chuyên gia tư vấn                          | 8        | 4,4     |
| 5. Hy vọng vào sự hợp tác với họ                             | 179      | 99,4    |
| 6. Mời họ tham gia vào bộ máy điều hành kinh tế của Nhà nước | 23       | 12,8    |

### **3. Đánh giá về mức độ liên hệ giữa Việt kiều với người thân trong nước.**

Mối quan hệ ruột thịt và họ hàng hầu như ít phụ thuộc vào mối quan hệ chính trị. Mối quan hệ giữa họ vẫn giữ được ở các mức độ “chặt chẽ” và “rất chặt chẽ” với tỷ lệ khá cao. Có 46,1% những người được hỏi cho rằng, những Việt kiều có quan hệ chặt chẽ với người thân ở trong nước; có 20,0% có quan hệ “rất chặt chẽ”. Nếu gộp cả 2 phương án “rất chặt chẽ” và phương án “chặt chẽ” thành phương án “chặt chẽ”, ta có tới 66,1%. Số người xác nhận mối quan hệ này là “bình thường,” chiếm 33,3%. Các số liệu trên cho ta thấy rằng, mối quan hệ này là loại quan hệ đặc biệt, dù hai nhóm người sống ở hai chế độ chính trị khác nhau. Qua đó ta thấy, nếu hai thể chế chính trị càng gần nhau hay tương đồng, hoặc có những chính sách phù hợp lẫn nhau, thì mối quan hệ này càng có điều kiện củng cố và phát triển tốt đẹp hơn nữa.

**BẢNG 3. MỨC ĐỘ LIÊN HỆ GIỮA VIỆT KIỀU VỚI NGƯỜI THÂN TRONG NƯỚC**

| Mức độ liên hệ  | Tần suất | Tỷ lệ % |
|-----------------|----------|---------|
| 1. Rất chặt chẽ | 36       | 20,0    |
| 2. Chặt chẽ     | 83       | 46,1    |
| 3. Bình thường  | 60       | 33,3    |
| 4. Lỏng lẻo     | 1        | 0,6     |

#### 4. Các lý do để Việt kiều có quan hệ thường xuyên với các cá nhân, tổ chức trong nước về các lĩnh vực, như: kinh tế, giáo dục, y tế và nhân đạo.

Việt kiều không chỉ quan hệ với bà con họ hàng trong nước, mà còn quan hệ với các cá nhân, tổ chức trong các lĩnh vực, như: kinh tế, giáo dục, y tế và nhân đạo...

Trong 6 lý do mà chúng tôi đưa ra để đánh giá, thứ nhất là: “Vì tình yêu quê cha, đất Tổ” được đánh giá cao nhất (69,4%); Thứ hai là: “Vì có lợi cho bản thân họ về mặt kinh tế, chính trị, cũng như uy tín xã hội” (23,9%); Thứ ba là: “Vì niềm tự tôn dân tộc” (23,3%); Thứ tư là: “Vì thương những người nghèo” (15%); các lý do khác chiếm tỷ lệ không đáng kể. Trong các lý do để Việt kiều thường xuyên tham gia các hoạt động giáo dục, y tế, thì lý do “Vì tình yêu quê cha, đất Tổ”, chiếm hơn 50%.

**BẢNG 4. CÁC LÝ DO ĐỂ VIỆT KIỀU CÓ QUAN HỆ THƯỜNG XUYÊN VỚI CÁC CÁ NHÂN, TỔ CHỨC TRONG NƯỚC VỀ CÁC LĨNH VỰC, NHƯ: KINH TẾ, GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ NHÂN ĐẠO**

| Các lý do                                                                      | Tần suất | Tỷ lệ % |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1. Vì tình yêu quê cha, đất Tổ                                                 | 125      | 69,4    |
| 2. Vì có lợi cho bản thân họ về mặt kinh tế, chính trị, cũng như uy tín xã hội | 43       | 23,9    |
| 3. Vì niềm tự tôn dân tộc                                                      | 42       | 23,3    |
| 4. Vì thương những người nghèo                                                 | 27       | 15,0    |
| 5. Vì ủng hộ Chính phủ                                                         | 7        | 3,9     |
| 6. Vì lý do chính trị là chính                                                 | 6        | 3,3     |

Bảng 4 trên đây cũng chỉ ra rằng, những nguyên nhân để Việt kiều có quan hệ với các cá nhân, tổ chức trong nước chủ yếu liên quan trực tiếp tới mối quan hệ ở quê hương, nơi họ sinh ra. Những yếu tố tâm lý cộng đồng, làng, xã vẫn thể hiện đậm nét trong quan hệ này. Quê cha, đất Tổ gắn bó tình cảm thiêng liêng và trân trọng đối với những người xa xứ. Loại giá trị được xếp hàng thứ hai trong 6 giá trị quan hệ nêu trên, đó là “Vì có lợi cho bản thân về mặt kinh tế, chính trị, cũng như uy tín xã hội”; Loại giá trị quan hệ đứng hàng thứ ba là “Vì niềm tự tôn dân tộc”. So sánh loại quan hệ thứ hai và thứ ba hầu như được đánh giá như nhau (tỷ lệ chênh lệch nhỏ: 0,6%). Các loại quan hệ khác chiếm tỷ lệ nhỏ hơn. Những Việt kiều có quan hệ mật thiết với bà con ruột thịt của họ đương nhiên dễ dàng đánh giá được, tuy nhiên những Việt kiều chưa tỏ thái độ ủng hộ Chính phủ có thể do nhiều lý do nhưng ít nhất cũng có lý do liên quan đến việc bất đồng chính kiến do họ sống ở một thể chế chính trị khác. Mặt khác, có 3,3% những người được hỏi cho rằng, Việt kiều có quan hệ với “các cá

nhân, tổ chức trong nước về các lĩnh vực, như kinh tế, giáo dục, y tế và nhân đạo” là “vì lý do chính trị là chính”. Điều này có nghĩa là một tỷ lệ nhỏ Việt kiều tham gia các hoạt động trong nước xuất phát từ động cơ chính trị của họ.

### **5. Những hành động nhằm tăng cường sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.**

Những người được hỏi đều nhấn mạnh đến tầm quan trọng về thái độ của chúng ta. Đó là, hệ thống chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với Việt kiều, thái độ, tình cảm của nhân dân. Điều quan trọng nhất là không phân biệt đối xử và kỳ thị đối với Việt kiều. Họ ra đi vì nhiều lý do khác nhau, nhưng họ đều có mối liên hệ chặt chẽ với gốc rễ, cội nguồn, quê hương, đất nước. Do vậy, thái độ chung của chúng ta cần thiết phải là: “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai”. Có 70,0% những người được hỏi đồng ý với quan điểm này. Muốn làm cho Việt kiều hiểu về quê hương, đất nước và các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta, những người được hỏi cho rằng, chúng ta cần “đầu tư mạnh mẽ hơn cho công tác tuyên truyền về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam” (64,4%); “mở rộng hơn nữa các cuộc giao lưu văn hóa, đối thoại với Việt kiều” (61,9%). Về hệ thống chính sách, họ mong muốn “Có chính sách thỏa đáng để thu hút trí thức Việt kiều về nước làm việc” (64,4%); “có chính sách đãi ngộ đối với Việt kiều có công trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc” (59,4%). Bên cạnh những chính sách thỏa đáng, chúng ta cần phải có chính sách riêng để đãi ngộ những Việt kiều có công đóng góp trong xây dựng đất nước về kinh tế, giáo dục nói chung và khối đại đoàn kết dân tộc nói riêng để họ làm gương cho những Việt kiều khác. Có chính sách thu hút mạnh mẽ những người tài năng về xây dựng đất nước.

Về việc thu hút Việt kiều, những người được hỏi cho rằng, cần “tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Việt kiều qua các kênh truyền thông chính thức trong và ngoài nước” (66,9%). Một bộ phận Việt kiều còn có những mặc cảm nhất định, niềm tin của họ về chính sách đại đoàn kết dân tộc cũng chưa cao. Do vậy, chúng ta cần tích cực tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú và đa dạng để họ hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước đối với Việt kiều, đồng thời nắm bắt được thông tin chân thực về tình hình quê hương, đất nước. Các kênh thông tin và nội dung truyền thông có ý nghĩa quan trọng đối với Việt kiều. Theo ý kiến của một số bà con Việt kiều, chúng ta đã làm tốt công tác truyền thông ở mức độ nhất định, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cả về nội dung lẫn hình thức, như: thiếu báo viết và tạp chí cho đối tượng Việt kiều, các cuộc gặp gỡ, giao lưu văn hóa cần tổ chức nhiều hơn và với nội dung phong phú hơn. “Các chương trình truyền hình trên VTV4 rất hay, đặc biệt là chương trình dân

ca đặc trưng cho cả ba miền Bắc, Trung, Nam như chèo, vọng cổ, dân ca quan họ, ca Huế làm cho chúng tôi rất nhớ và muốn trở về thăm quê hương.

Có thể nói, truyền thông phục vụ đồng bào xa Tổ quốc đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng do hạn chế ở mức độ nào đó về đầu tư kinh phí, nhân lực và chất lượng chương trình truyền thông, nên chúng ta chưa đáp ứng được nhu cầu và mong muốn của đại đa số đồng bào sống xa Tổ quốc. Trong khi đó, những thế lực thù địch có nhiều tiềm lực và vật lực để tuyên truyền chống phá Việt Nam. Đó cũng là một trong những nguyên nhân hạn chế đồng bào hiểu rõ và đúng về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

**BẢNG 5. CÁC LOẠI HÀNH ĐỘNG ĐỂ  
TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC**

| Các loại hành động                                                                                                                                                   | Tần suất | Tỷ lệ % |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1. Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai                                                                                                                             | 112      | 70,0    |
| 2. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước đối với Việt kiều qua các kênh truyền thông chính thức trong và ngoài nước | 107      | 66,9    |
| 3. Tạo mọi điều kiện để bà con Việt Kiều liên hệ thường xuyên với người thân ở trong nước                                                                            | 104      | 65,0    |
| 4. Đầu tư mạnh mẽ hơn cho công tác tuyên truyền về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam                                                                             | 103      | 64,4    |
| 5. Có chính sách thỏa đáng để thu hút trí thức Việt kiều về nước làm việc                                                                                            | 103      | 64,4    |
| 6. Mở rộng giao lưu văn hóa, đối thoại với bà con Việt kiều                                                                                                          | 99       | 61,9    |
| 7. Có chính sách đãi ngộ đối với Việt kiều có công trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc                                                                     | 95       | 59,4    |
| 8. Khích lệ những hành động đóng góp xây dựng đất nước cả về kinh tế, văn hóa, giáo dục của bà con Việt kiều                                                         | 85       | 54,1    |
| 9. Nhà nước có chính sách đối ngoại cụ thể để chống kỳ thị sắc tộc và bảo vệ quyền sống, tự do và an ninh tính mạng cho người Việt ở nước ngoài                      | 82       | 51,2    |
| 10. Kiên quyết ngăn chặn những hành vi gây mất ổn định chính trị ở Việt Nam                                                                                          | 75       | 46,9    |
| 11. Tổ chức phối hợp với Việt kiều về các hoạt động giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ                                                                           | 71       | 44,4    |
| 12. Tăng cường hoạt động của cơ quan ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại                                                                                               | 68       | 42,5    |
| 13. Tuyên truyền lối sống văn minh, kinh doanh hiện đại, công nghiệp, thành lập các trung tâm kinh tế giữa doanh nghiệp nhà nước và Việt kiều ở nước sở tại          | 68       | 42,5    |



|                                                                                                                                                                                          |    |      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------|
| 14. Mở rộng hành lang pháp lý về quyền cư trú (chế độ hai quốc tịch), sở hữu bất động sản                                                                                                | 65 | 40,6 |
| 15. Đại diện nhà nước đứng ra thành lập những tổ chức liên danh, liên kết trong các hoạt động kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học, giáo dục với Việt kiều ở trong cũng như ngoài nước | 58 | 36,2 |
| 16. Không phân biệt đối xử với người có chính kiến khác                                                                                                                                  | 56 | 35,0 |
| 17. Mở rộng chính sách ưu tiên đầu tư cho Việt kiều hơn so với người nước ngoài khác                                                                                                     | 36 | 22,5 |
| 18. Triển khai, thực hiện tốt tinh thần Chỉ thị số 36 của Bộ chính trị về công tác với người Việt Nam ở nước ngoài                                                                       | 29 | 18,1 |
| 19. Cho phép Việt kiều tham gia bộ máy quản lý giáo dục, khoa học - công nghệ                                                                                                            | 21 | 13,1 |
| 20. Cho phép Việt kiều tham gia vào bộ máy chính quyền cấp xã, phường, quận, huyện                                                                                                       | 13 | 8,1  |

Trong 20 loại hành động mà chúng tôi nêu ra nhằm đưa ra giải pháp tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, có 9 loại hành động được chấp nhận với tỷ lệ từ 51,2% đến 70,0%. Có 8 loại hành động có tỷ lệ đồng ý từ 35,0% đến 46,9%. Những loại tỷ lệ cận trung bình (50,0%) cho thấy hiệu quả của các loại hành động này đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc chưa được chấp nhận cao. Đặc biệt giải pháp giả định “cho phép Việt kiều tham gia vào bộ máy chính quyền cấp xã, phường, quận, huyện”, chỉ có tỷ lệ 8,1% những người được hỏi chấp nhận. Giải pháp “cho phép Việt kiều tham gia bộ máy quản lý giáo dục, khoa học - công nghệ” cũng được chấp nhận rất thấp (13,1%). Mặc dù có quan hệ thân thuộc về dòng họ, nhưng hầu hết những người trong nước không có tâm thế mong đợi những bà con của họ có thể tham gia công tác quản lý nhà nước, cũng như quản lý khoa học - công nghệ và giáo dục.

Những giải pháp hàng đầu nhằm tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc được chú ý tới, đó là: (1) Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai (70,0%); (2) Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước đối với Việt kiều qua các kênh truyền thông chính thức trong và ngoài nước (66,9%); (3) Tạo mọi điều kiện để bà con Việt kiều liên hệ thường xuyên với người ở trong nước (65,0%); (4) Đầu tư mạnh mẽ hơn cho công tác tuyên truyền về đất nước, văn hóa, con người Việt Nam (64,4%); (5) Có chính sách thỏa đáng để thu hút trí thức Việt kiều về nước làm việc (64,4%). Trong 5 giải pháp hàng đầu được đánh giá cao nhất chủ yếu liên quan tới quan hệ xóa bỏ hận thù, quan hệ tình cảm gia đình, dòng họ, dân tộc và hệ thống chính sách thích hợp đối với việc thu hút tài năng của Việt kiều.

## 6. Kết luận.

Những người Việt Nam ở nước ngoài có quan hệ khá chặt chẽ với những người thân của họ ở trong nước. Mối quan hệ này dựa trên quan hệ huyết thống, họ hàng và quê hương. Do đó, hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước cần được tuyên truyền sâu rộng đối với Việt kiều và với chính những người thân trong nước. Công tác tuyên truyền cần đa dạng, phong phú và cụ thể cả về nội dung lẫn hình thức. Cụ thể cần mở rộng các kênh và nâng cao chất lượng chương trình truyền thông cả trong và ngoài nước. Nhiều bà con Việt kiều đã có đóng góp xây dựng đất nước trong một số lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, sự đóng góp này nhìn chung còn khiêm tốn. Sự thông suốt về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với một bộ phận bà con Việt kiều phần nào đó còn hạn chế bởi sự mặc cảm và tự ti vẫn còn ngự đọng phần nào trong bản thân người xa xứ. Do đó, muốn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc một cách toàn diện và vững chắc, chúng ta cần có những chính sách rõ ràng và cụ thể, những hành động thiết thực và nhất quán để động viên, tập hợp mọi người, đặc biệt là những nhân tài từ bộ phận dân tộc Việt Nam đang sống xa Tổ quốc, góp phần xây dựng đất nước hùng cường hôm nay và mai sau.